

GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP VIỆT - HUNG

PHẠM THỊ THANH HƯƠNG*

Ngày nhận bài: 30/05/2017; ngày sửa chữa: 06/06/2017; ngày duyệt đăng: 12/06/2017.

Abstract: Managing learning activities of students is one of important tasks to guarantee quality of training at Vietnam - Hungary Industrial University. This article analyses situation of learning of students at Vietnam - Hung Industrial University and then proposes solutions to improve quality of learning at the university to meet requirements of education reform and the society.

Keywords: Learning management, teachers, students, Vietnam - Hung Industrial University.

Hoạt động học tập (HĐHT) của sinh viên (SV) là một trong những nội dung đặc biệt quan trọng của một nhà trường nói chung và Trường Đại học Công nghiệp (ĐHCN) Việt - Hung nói riêng. HĐHT là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng, kết quả đào tạo của một chương trình đào tạo, qua đó phản ánh chất lượng, hiệu quả đào tạo tại Trường ĐHCN Việt - Hung hiện nay. Trong phạm vi bài viết, chúng tôi tìm hiểu HĐHT của SV Trường ĐHCN Việt - Hung về ý thức thái độ học tập (HT), ý thức tuân thủ các quy chế, quy định; về lập kế hoạch HT và xác định phương pháp HT.

1. Thực trạng HĐHT của SV Trường ĐHCN Việt - Hung

1.1. Về ý thức thái độ HT. Nhìn chung ý thức tự giác, tích cực, chủ động trong quá trình nhận thức của SV Trường ĐHCN Việt - Hung chưa cao, còn tâm lý ỷ lại, dựa dẫm vào bạn bè, thầy cô và tài liệu. Vẫn còn những biểu hiện như đến lớp không có giáo trình, tài liệu HT; không hoàn thành nhiệm vụ giảng viên (GV) giao về nhà hoặc hoàn thành để đối phó; trên lớp không tích cực tham gia các HĐHT, ngại phát biểu, thờ ơ với hoạt động nhóm, việc chủ động nêu câu hỏi, thắc mắc nội dung chưa hiểu rất ít. Có thể nhận thấy, một bộ phận không nhỏ SV không có thái độ HT đúng đắn, dẫn đến SV thờ ơ với việc HT, nghiên cứu các môn học. Số này tập trung nhiều ở SV khóa mới.

Khảo sát 200 SV K40 (năm học 2016-2017) với câu hỏi: "Bản thân anh/chị đã xác định rõ mục đích khi HT tại trường chưa", kết quả có 150/200 SV (75%) trả lời là "đã xác định rõ ràng", có 50/200 SV (25%) trả lời là "chưa xác định rõ ràng". Với câu hỏi: "Khi HT tại trường, anh/chị có nghiêm túc chưa", có 138/200 SV (69%) trả lời là "có nghiêm túc", 62/200 SV (31%) trả lời là "chưa nghiêm túc".

1.2. Về ý thức tuân thủ các quy chế, quy định.

Tuân thủ quy chế, quy định của nhà trường là một trong những yêu cầu bắt buộc đối với SV trong suốt quá trình HT tại Trường ĐHCN Việt - Hung. Việc tuân thủ quy chế, quy định sẽ góp phần tạo ra lối sống tuân thủ pháp luật cho SV, qua đó góp phần tạo ra những người lao động mới có tác phong công nghiệp. Về cơ bản, Nhà trường rất chú trọng đến việc giáo dục để SV hình thành ý thức tự giác, tự nguyện HT tuân theo quy chế, quy định như: SV phải nắm vững quy chế đào tạo, quy chế học vụ SV, các quy định liên quan và tự giác tuân thủ nghiêm túc như nội quy giảng đường, nội quy phòng thí nghiệm, thư viện, nội quy phòng thi...

1.3. Về lập kế hoạch HT và xác định phương pháp HT là một trong các yếu tố quyết định chất lượng HT môn học nói riêng và chất lượng đào tạo nói chung. Đa số SV nhà trường có sự nỗ lực, cố gắng, chủ động trong việc xác định phương pháp HT của cá nhân, biết tự lập kế hoạch HT và sắp xếp thời gian dành cho HT hợp lí. Số SV này chủ yếu rơi vào những SV đã xác định được mục đích HT rõ ràng, có thái độ HT đúng đắn. Song bên cạnh đó, còn một bộ phận SV không xác định được phương pháp HT của cá nhân, không biết xây dựng kế hoạch HT và không bố trí sắp xếp thời gian HT hợp lí. Số SV này thường không có trách nhiệm với các môn học, thờ ơ, không tích cực.

Khảo sát 200 SV K40 (năm học 2016-2017) với câu hỏi: "Anh/chị đã xác định được phương pháp HT chưa", kết quả 160/200 SV (80%) trả lời là "đã xác định được", có 40/200 SV (20%) trả lời là "chưa xác định được". Với câu hỏi: "Anh/chị có biết cách lập kế

* Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung

hoạch HT và biết cách sắp xếp thời gian HT chưa”, có 147/200 SV (73,5%) trả lời là “có biết”, 53/200 SV (26,5%) trả lời là “chưa biết”.

Nguyên nhân là một phần từ việc SV không xác định đúng mục đích HT, không có thái độ HT đúng đắn, một phần do không xây dựng được kế hoạch HT hợp lí, không biết cách quản lí thời gian.

2. Một số giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả quản lí HĐHT của SV Trường ĐHCN Việt - Hưng

Quản lí HĐHT của SV là một trong những nội dung quan trọng của công tác giáo dục trong trường đại học. Quản lí HĐHT tốt sẽ nâng cao hiệu quả HT của SV. Việc tìm tòi nghiên cứu tìm ra các giải pháp giúp SV có thái độ, động cơ và mục đích HT đúng đắn từ đó quá trình HT đạt kết quả cao là trách nhiệm của các nhà trường, của đội ngũ GV, cố vấn HT và của chính SV.

2.1. Về phía nhà trường, khoa, phòng ban chức năng:

2.1.1. Chuẩn hóa các quy định, nội quy, quy chế tại trường. Muốn quản lí hiệu quả HĐHT của SV, việc đầu tiên và quan trọng hàng đầu là nhà trường phải xây dựng và ban hành các quy định, quy chế, nội quy liên quan. Đây chính là các công cụ cần thiết giúp cho việc quản lí được tốt hơn, các quy chế, quy định như: quy chế đào tạo, quy chế học sinh - SV, nội quy giảng đường, nội quy phòng học thí nghiệm thực nghiệm, nội quy phòng thi, nội quy phòng đọc tại thư viện truyền thống hay thư viện điện tử...

Xây dựng và ban hành đầy đủ các quy chế, nội quy, quy định là một việc quan trọng nhưng quan trọng hơn là quá trình tổ chức thực hiện trong thực tiễn. Thời gian qua, Nhà trường đã làm rất tốt việc này thông qua việc phổ biến quy chế, nội quy, quy định dưới nhiều hình thức, phương pháp khác nhau đến SV toàn trường; đồng thời thường xuyên đánh giá, tổng kết việc SV thực hiện quy chế, quy định trong thực tế; xử lí nghiêm SV vi phạm với các mức độ khác nhau. Báo cáo đánh giá cho thấy, số SV vi phạm các quy chế, quy định tại Trường trong những năm gần đây có xu hướng giảm dần (năm học 2014-2015 có 70 SV vi phạm, năm học 2015-2016 có 45 SV vi phạm, kì 1 năm học 2016-2017 có 15 SV vi phạm).

2.1.2. Xây dựng môi trường HT lành mạnh. Việc xây dựng một môi trường HT có văn hóa, văn minh, hiện đại, lành mạnh là một trong những yếu tố quan trọng trong việc quản lí quá trình HĐHT của SV. Môi trường HT dân chủ, văn minh sẽ góp phần hình thành ở SV cảm hứng, niềm tin, qua đó tạo ra động lực tích

cực để SV HT, rèn luyện phấn đấu, từ đây tạo ra tính tự giác HT cho SV. Đây là một nhiệm vụ khó khăn, phức tạp nhưng quan trọng.

Môi trường sống, môi trường HT văn hóa, lành mạnh là một trong những điều kiện quan trọng để SV yên tâm HT. Trong thời gian qua, Trường ĐHCN Việt - Hưng với chủ trương xây dựng văn hóa Việt - Hưng tại trường “Vì người học và sự phù hợp”, nhà trường đã chú trọng tuyên truyền giáo dục cho SV về văn hóa ứng xử, văn hóa pháp luật, văn minh công sở, xây dựng cảnh quan môi trường giáo dục văn minh. Công tác tuyên truyền giáo dục được thực hiện thông qua nhiều hình thức đa dạng, phong phú như: tuyên truyền trong sinh hoạt cố vấn HT, thông qua các GV khi lên lớp, thông qua sinh hoạt Đoàn Thanh niên, sinh hoạt khoa theo tháng, ngoại khóa, hệ thống pano, khẩu hiệu, các hoạt động văn hóa - văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động kỉ niệm các ngày lễ lớn của địa phương, đất nước, những ngày lễ trọng đại của nhà trường,... Cụ thể hóa chủ trương “Vì người học và sự phù hợp”, Nhà trường đã xây dựng và ban hành quy định về văn hóa ứng xử tại trường như ứng xử giữa lãnh đạo với nhân viên, nhân viên với lãnh đạo; GV với GV, GV với SV; SV với GV, SV với SV; ứng xử với môi trường cảnh quan của nhà trường; ứng xử với địa phương...

2.1.3. Phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và địa phương SV sinh sống. Nhà trường cần xây dựng hệ thống thông tin hai chiều chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình. Các thông tin về SV được cung cấp kịp thời đến gia đình thông qua bộ phận thường trực là cố vấn HT. Những SV chưa chuyên cần đều được kịp thời thông báo đến gia đình để phối hợp nhắc nhở. Việc kết nối với gia đình phải được thực hiện thường xuyên, qua đó nhà trường cũng hiểu rõ hơn về gia cảnh của SV, tâm tư nguyện vọng của gia đình SV, từ đó có những biện pháp thích hợp để hỗ trợ SV thực hiện tốt mục tiêu HT của mình.

Trong quá trình HT tại trường, SV ở tỉnh khác đến học chiếm tỉ lệ lớn; số SV này chủ yếu sống tại địa phương nơi trường có cơ sở đào tạo dưới hình thức thuê nhà ở trọ, số SV sống trong kí túc xá của nhà trường chiếm tỉ lệ thấp. Do vậy, việc quản lí số SV này ngoài giờ lên lớp là một nhiệm vụ hết sức khó khăn đòi hỏi Nhà trường phải phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương. Thời gian qua, Nhà trường đã làm rất tốt việc này và được chính quyền địa phương đánh giá cao, tuy nhiên vẫn còn xảy ra tình trạng SV uống rượu gây mất trật tự an ninh hay SV chơi game muộn, cá biệt còn hiện tượng SV đánh nhau...

2.2. Về phía GV, cố vấn HT

2.2.1. Giáo dục để SV có ý thức tuân thủ quy chế, quy định của nhà trường. GV giữ vai trò quan trọng trong việc quản lý HĐHT của SV, trong đó bao gồm cả đội ngũ cố vấn HT. Ngay từ khi SV vào trường, từ những buổi học đầu tiên đội ngũ nhà giáo phải có trách nhiệm phổ biến các quy chế, nội quy, quy định của nhà trường đến SV để SV biết; GV cần giải thích rõ và hướng dẫn SV những nội dung quan trọng của các quy định. GV, cố vấn HT cũng là người phải thường xuyên tuyên truyền, nhắc nhở những quy chế, quy định của nhà trường trong suốt quá trình HT cũng như sinh hoạt của SV. Điều này đòi hỏi ý thức trách nhiệm cao của GV và cố vấn HT.

2.2.2. Xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm quy chế, quy định. Thực hiện các hoạt động giáo dục tại trường đối với SV là một quá trình lâu dài, bền bỉ nhưng nó đòi hỏi một sự khách quan, công tâm của những người trong cuộc mà ở đây là đội ngũ các nhà giáo, đội ngũ cố vấn HT và SV. Làm thế nào để SV tự giác chấp hành và hình thành thói quen sống và HT trong khuôn khổ của các quy chế, quy định là việc khó, đòi hỏi GV phải gương mẫu, nghiêm túc, phải khéo léo trong ứng xử với các tình huống khi SV vi phạm ở các mức độ khác nhau. GV có thể chỉ nhắc nhở với những trường hợp vi phạm ở mức nhẹ, cũng có thể nghiêm khắc với những trường hợp vi phạm ở mức nặng với những SV vi phạm thường xuyên, chỉ có như vậy mới có tác dụng giáo dục tốt, qua đó tạo sự công bằng, niềm tin của SV với GV.

2.2.3. Sẵn sàng chia sẻ với SV những khó khăn trong HT và cuộc sống. Thực tế cho thấy SV sống xa nhà, mỗi SV có điều kiện, hoàn cảnh sống và tâm lý tính cách khác nhau. Do vậy, để yên tâm HT thì SV phải vượt qua được những khó khăn, đặc biệt là giai đoạn đầu mới nhập trường. GV, cố vấn HT phải chia sẻ với SV với thái độ thiện chí, với vai trò như người anh, người chị, người đi trước. Làm được như vậy sẽ giúp SV nhanh chóng ổn định cuộc sống, yên tâm HT, có niềm tin vào đội ngũ giảng dạy, cố vấn HT, qua đó tạo tình cảm thân thiện giữa họ với GV và cố vấn HT. Tình cảm đẹp cùng thiện chí tốt là một trong những nhân tố quan trọng góp phần quản lý HĐHT của SV hiệu quả hơn.

2.3. Về phía SV

2.3.1. Xác định rõ mục đích, động cơ HT. Việc quản lý HĐHT của SV có hiệu quả hay không chịu ảnh hưởng rất lớn từ phía SV. Nếu SV tự giác, tự nguyện tuân thủ quy chế, quy định của nhà trường thì việc quản lý sẽ trở nên vô cùng dễ dàng, hiệu quả cao và

ngược lại nếu SV không có ý thức tự giác, tự nguyện tuân thủ thì việc quản lý HĐHT của SV sẽ rất khó khăn. Muốn vậy, yếu tố tiên quyết là SV phải xác định rõ mục tiêu HT và thái độ, động cơ HT đúng đắn.

2.3.2. Có ý thức trách nhiệm tuân thủ quy chế, quy định của nhà trường. Quy chế, quy định của nhà trường ban hành phải được SV thực hiện nghiêm túc. Hiệu quả nhất vẫn là SV tự nhận thức được mình phải có trách nhiệm tôn trọng và thực hiện, qua đó hình thành thói quen HT tuân thủ quy chế, quy định trong mỗi cá nhân SV.

Muốn vậy, đòi hỏi SV phải nắm được nội dung quy chế, quy định, có thái độ lên án những hành vi coi thường, vi phạm các quy định, quy chế của SV khác. Việc này có ý nghĩa rất quan trọng góp phần quản lý HĐHT của SV hiệu quả hơn.

2.3.3. Lập kế hoạch HĐHT rõ ràng. Kế hoạch HT là một trong những nhân tố quan trọng giúp cho việc HT của SV đạt mục đích. Trên thực tế, nhiều SV Trường ĐHCN Việt - Hung đã biết lập kế hoạch HT tốt, song cũng còn một bộ phận SV chưa biết lập kế hoạch HT. Việc không biết lập kế hoạch HT là một trong những nguyên nhân SV không quản lý được thời gian HT, quá trình HT lúng túng theo kiểu được chăng hay chớ. Lập kế hoạch HĐHT là một trong những nội dung quan trọng mà SV phải hoàn thành; muốn vậy, SV phải được trang bị kĩ năng lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch.

2.3.4. Tiếp cận với các phương pháp HT hướng đến phát huy tính tích cực của SV. Luật Giáo dục năm 2005 quy định tại Điều 5: Phương pháp giáo dục phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động, tư duy sáng tạo của người học; bồi dưỡng cho người học năng lực tự học, khả năng thực hành, lòng say mê HT và ý chí vươn lên.

Quản lý HĐHT của SV chỉ có hiệu quả thực sự khi bắt nguồn từ ý thức tự giác HT của SV. Muốn vậy, SV cần tìm tòi và áp dụng các phương pháp HT mới hướng tới phát huy tính tự học, tính sáng tạo cao như các phương pháp hoạt động nhóm, phương pháp đóng vai... Nếu làm tốt việc này, SV sẽ cảm nhận được sự thoải mái khi HT, nghiên cứu các môn học; đồng thời giúp SV hình thành các kĩ năng cần thiết, giúp kết nối bạn bè trong và ngoài lớp, qua đây kết quả HT sẽ tốt hơn.

Quản lý HĐHT của SV nói chung và SV tại Trường ĐHCN Việt - Hung nói riêng sao cho có hiệu quả là vấn đề đã và đang đặt ra hiện nay. Giải quyết vấn đề này có ý nghĩa quan trọng trong việc nâng cao chất lượng HT.
(Xem tiếp trang 64)

cấp quản lý của ĐH vùng với các đơn vị GDĐH thành viên trực thuộc giữ lại bao nhiêu % trong tổng 5% hay 3% từ nguồn thu hợp pháp và nguồn thu từ học phí.

Từ những hạn chế đang tồn tại của Nghị định, trong thời gian tới, Nhà nước cần ban hành thông tư hướng dẫn Nghị định số 99/2014/NĐ-CP đến các cơ sở GDĐH. Đặc biệt, cần làm rõ việc áp dụng Nghị định ở mô hình ĐH vùng, nhằm phát huy hiệu quả cơ chế chính sách về đầu tư phát triển tiềm lực và khuyến khích hoạt động KH&CN trong các cơ sở GDĐH của nhà nước.

4.2. Điều kiện đủ - phía cơ sở GDĐH. Cơ chế chính sách Nhà nước thuận lợi nhưng cơ sở GDĐH không muốn đầu tư hoặc không xác định được mục tiêu của việc đầu tư thì đầu tư cũng không hiệu quả. Do đó, điều kiện “đủ” để quy trình đầu tư có hiệu quả là phía cơ sở GDĐH cần phải trả lời được câu hỏi: đầu tư để làm gì? Sau khi xác định được mục đích của việc đầu tư thì cần phải chuẩn bị các điều kiện để tiếp nhận đầu tư (đề xuất lĩnh vực đầu tư; kinh phí cho việc đầu tư; nhân lực thực hiện...) và các bước tiếp theo. Các cơ sở GDĐH được lựa chọn đầu tư, phải ĐT sau tiến sĩ cho giảng viên ở một số nước tiên tiến.

Trong điều kiện nguồn lực tài chính hạn hẹp, Việt Nam phải dựa trên nguyên tắc tuyển chọn đúng và đầu tư lớn, tập trung đầu tư vào những ĐH hàng đầu, những lĩnh vực nghiên cứu mũi nhọn, có tiềm năng cạnh tranh thế giới: tập trung đầu tư xây dựng một số bộ môn, một số phòng thí nghiệm, một số khoa, một số trường ĐH đạt chuẩn thế giới; chú trọng đầu tư nâng cao chất lượng ĐT tiến sĩ của Việt Nam đạt chuẩn thế giới; có chính sách đãi ngộ đúng đắn để thu hút các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài, những nhà khoa học nước ngoài đến làm việc tại các trường ĐH; có cơ chế đánh giá và cơ chế kiểm toán để đảm bảo sử dụng nguồn vốn đầu tư thật hiệu quả, công khai, minh bạch. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Nguyễn Văn Tuấn (2015) *Chất lượng nghiên cứu khoa học của vài đại học Việt Nam*. <http://laodong.com.vn/giao-duc/chat-luong-nghien-cuu-khoa-hoc-cua-vai-dai-hoc-viet-nam-384884.blđ>.
- [2] Nguyễn Chí Hải - Nguyễn Hồng Nga (2015). *Một số đặc điểm của đại học nghiên cứu - kinh nghiệm quốc tế cần áp dụng tại Việt Nam*. Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. Hồ Chí Minh, số 4(69); tr 150.
- [3] Phạm Thị Ly, (2014, tài liệu dịch). *Quản lý hoạt động nghiên cứu trong các trường đại học nghiên cứu*. <http://www.lypham.net>. Nguồn: Taylor, J. (2006) “Managing the Unmanageable: The Management of Research in Research-Intensive Universities”, Higher Education Management and Policy, 18(2), pp. 1 - 25. ISSN 1682-3451, Volume 18, No. 2.

[4] Phạm Thị Ly (2013, tài liệu dịch). *Tuyên ngôn Hợp Phi về Mười đặc điểm của Trường đại học nghiên cứu hiện đại*. Bản tin Thông tin Quốc tế về Giáo dục Đại học số 9, Viện Đào tạo Quốc tế, Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

[5] Trương Quang Học (2009). *Đại học nghiên cứu*. Bản tin Đại học Quốc gia số 217, tr24. tháng 7/2009.

[6] Đinh Ái Linh (2014). “*Kinh nghiệm 8 nước xây dựng đại học đẳng cấp quốc tế*”. Tạp chí Khoa học, Đại học Quốc gia Hà Nội. Nghiên cứu Giáo dục, tập 30, số 1; tr 61-70.

[7] Chính phủ (2014). *Nghị định số 99/2014/NĐ-CP quy định về đầu tư phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ và khuyến khích hoạt động khoa học và công nghệ trong các cơ sở giáo dục đại học*.

[8] Thủ tướng Chính phủ (2007). *Quyết định số 121/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Quy hoạch mạng lưới các trường đại học và cao đẳng giai đoạn 2006-2020*.

[9] Ben Wilkinson và Laura (2010, Phạm Thị Ly dịch). *Những nhân tố vô hình tạo nên sự ưu tú: hệ thống quản trị và cuộc tìm kiếm con đường xây dựng một trường đại học nghiên cứu đỉnh cao cho Việt Nam*.

[10] Thủ tướng Chính phủ (2012). *Quyết định số 418/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 11/4/2012 Phê duyệt Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020*.

Giải pháp nâng cao hiệu quả...

(Tiếp theo trang 92)

lượng đào tạo của nhà trường; tuy nhiên, đòi hỏi phải có sự tham gia đồng bộ của nhiều yếu tố trong đó có các phòng ban chức năng, đội ngũ GV, cố vấn HT và vai trò chủ thể của SV. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Quốc hội (2005). *Luật Giáo dục số 38/2005/QH11 ban hành ngày 14/6/2005*.
- [2] Nguyễn Văn Định (2016). *Giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động học tập của học sinh trung học phổ thông tỉnh Đồng Tháp*. Tạp chí Giáo dục, số đặc biệt tháng 3, tr 28-29; 41.
- [3] Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung. *Báo cáo tổng kết năm học 2014-2015, 2015-2016, kì 1 năm học 2016-2017 (Tài liệu lưu hành nội bộ)*.
- [4] Trần Thị Thúy Hà (2017). *Báo cáo hội thảo khoa học cấp trường “Giải pháp nâng cao chất lượng học tập của sinh viên Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung hiện nay”*. Trường Đại học Công nghiệp Việt - Hung.
- [5] Đinh Ái Linh (2006). *Những hạn chế trong quản lý hoạt động học tập của sinh viên Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh*. Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ, tập 9, số 10, tr 49-56.